



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

ben

sen

o
adam

tôi

bạn

anh ấy

o
kadın

o
hayvan

biz

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

siz

onlar

ne

các bạn

họ

cái gì

kim

nerede

niye

ai

ở đâu

tại sao

nasıl

làm sao

hangi

cái nào

ne zaman

lúc nào

sonra

sau đó

eğer

nếu

gerçekten

thật sự

fakat

nhưng

çünkü

bởi vì

değil

không

bu

này

Buna ihtiyacım var

Tôi cần cái này

Bu ne kadar?

Cái này giá bao nhiêu?

o
genel

đó

hepsi

tất cả

veya

hoặc

ve

và

bilmek

biết

Biliyorum

Tôi biết

Bilmiyorum

Tôi không biết

düşünmek

nghĩ

gelmek

đến

koymak

đặt

almak

lấy

bulmak

tìm

dinlemek

nghe

çalışmak
iş

làm việc

konuşmak

nói chuyện

vermek

cho

beğenmek

thích

yardım etmek

giúp đỡ

sevmek

yêu

aramak
telefon

gọi

beklemek

chờ đợi

Senden hoşlanıyorum

Tôi thích bạn

Bu hoşuma gitmiyor

Tôi không thích cái này

Beni seviyor musun?

Bạn có yêu tôi không?

Seni seviyorum

sıfır

bir

Tôi yêu bạn

0

1

iki

üç

dört

2

3

4

beş

altı

yedi

5

6

7

sekiz

dokuz

on

8

9

10

on bir

11

on iki

12

on üç

13

on dört

14

on beş

15

on altı

16

on yedi

17

on sekiz

18

on dokuz

19

yirmi

20

yeni

mới

eski

cũ

az
sifat

ít

çok
sayı

nhiều

ne kadar?

bao nhiêu?

kaç?

bao nhiêu?

yanlış

sai

doğru

chính xác

kötü
genel

xấu

iyi

tốt

mutlu

hạnh phúc

kısa

ngắn

uzun

dài

küçük

nhỏ

büyük

lớn

orada

đó

burada

đây

sağ

phải

sol

trái

güzel

xinh đẹp

genç

trẻ

yaşlı

già

merhaba

xin chào

sonra görüşürüz

hẹn gặp lại

tamam

được

kendine iyi bak

bảo trọng nhé

endişelenme

đừng lo

tabii ki

tất nhiên

iyi günler

chúc ngày tốt lành

selam

chào

güle güle

bái bai

hoşça kal

tạm biệt

affedersiniz

xin làm phiền

üzgünüm

xin lỗi

teşekkür ederim

cảm ơn bạn

lütfen

làm ơn

Bunu istiyorum

Tôi muốn cái này

şimdi

bây giờ

öğleden sonra

sabah
9:00-11:00

gece

buổi chiều

buổi sáng

ban đêm

sabah
6:00-9:00

akşam

öğle vakti

buổi sáng

buổi tối

buổi trưa

gece yarısı

saat
zaman

dakika

nửa đêm

giờ

phút

saniye

gün

hafta

giây

ngày

tuần

ay
zaman

tháng

yıl

năm

zaman

thời gian

tarih
zaman

ngày tháng

önceki gün

ngày hôm kia

dün

hôm qua

bugün

hôm nay

yarın

ngày mai

öbür gün

ngày kia

Pazartesi

thứ hai

Salı

thứ ba

Çarşamba

thứ tư

Perşembe

thứ năm

Cuma

thứ sáu

Cumartesi

thứ bảy

Pazar

chủ nhật

Yarın Cumartesi

Ngày mai là thứ bảy

hayat

cuộc đời

kadın

đàn bà

adam

đàn ông

aşk

tình yêu

erkek arkadaş

bạn trai

kız arkadaş

bạn gái

arkadaş

bạn

öpmek
isim

hôn

seks

tình dục

çocuk

trẻ em

bebek

em bé

kız

con gái

oğlan

con trai

anneciğim

mẹ

babaciğim

ba

anne

má

baba

cha

ebeveyn

cha mẹ

oğul

con trai

kız evlat

con gái

küçük kız kardeş

em gái

küçük erkek kardeş

em trai

abla

chị gái

abi

anh trai

durmak

đứng

oturmak

ngồi

yatmak

nằm xuống

kapatmak
kilit

đóng

açmak
kapı

mở

kaybetmek

thua

kazanmak
spor

thắng

ölmek

chết

yaşamak

sống

açmak
ampul

bật

kapatmak
ampul

tắt

öldürmek

giết

yaralamak

làm bị thương

dokunmak

chạm

izlemek

xem

içmek

uống

yemek

ăn

yürümek

đi bộ

tanışmak

gặp

bahis oynamak

đặt cược

öpmek
eylem

hôn

takip etmek

đi theo

evlenmek

cưới

cevaplamak

trả lời

sormak

hỏi

soru

câu hỏi

şirket

công ty

iş
genel

kinh doanh

iş
çalışmak

việc làm

para

tiền

telefon

điện thoại

ofis

văn phòng

doktor

bác sĩ

hastane

bệnh viện

hemşire

y tá

polis
kişi

cảnh sát

devlet başkanı

tổng thống

beyaz

màu trắng

siyah

màu đen

kırmızı

màu đỏ

mavi

màu xanh da trời

yeşil

màu xanh lá cây

sarı

màu vàng

yavaş

chậm

hızlı

nhanh

komik

vui vẻ

adaletsiz

không công bằng

adaletli

công bằng

zor

khó

kolay

dễ

Bu zor

Cái này khó

zengin

giàu

fakir

nghèo

güçlü

khỏe

zayıf

yếu

güvenli

an toàn

yorgun

mệt mỏi

gururlu

tự hào

tok

no bụng

hasta
sifat

bệnh

sağlıklı

khỏe mạnh

kızgın

tức giận

alçak

thấp

yüksek

cao

düz
geometri

thẳng

her

mỗi / mọi

her zaman

luôn luôn

aslında

thực ra

tekrar

lần nữa

zaten

đã

az

zarf

ít hơn

çoğu

phần lớn

daha

nhiều hơn

Daha fazla istiyorum

Tôi muốn nhiều hơn

hiç

không có

çok

cümle

rất

hayvan

động vật

domuz

con lợn

inek

con bò

at

con ngựa

köpek

con chó

koyun

con cừu

maymun

con khỉ

keci

con mèo

ayı

con gấu

tavuk

con gà

ördek

con vịt

kelebek

con bướm

arı

con ong

balık
hayvan

con cá

örümcek

con nhện

yılan

con rắn

dışında

ở ngoài

içinde

ở trong

uzak

xa

yakın

gần

altında

bên dưới

yukarıda

bên trên

yanında

bên cạnh

ön

phía trước

arka

phía sau

tatlı
sifat

ngọt

ekşi

chua

garip

lạ

yumuşak

mềm

sert

cứng

şirin

đáng yêu

aptal

ngu ngốc

çılgın

điên khùng

meşgul

bận rộn

uzun boylu

cao

kısa boylu

thấp

endişeli

lo lắng

şaşırmış

ngạc nhiên

havalı

ngầu

iyi huylu

cư xử tốt

kötü
kişi

ác độc

zeki

khéo léo

soğuk

lạnh

sıcak

nóng

kafa

đầu

burun

mũi

saç

tóc

ağız

miệng

kulak

tai

göz

mắt

el

bàn tay

ayak

bàn chân

kalp

tim

beyin

não

çekmek

kéo

itmek

đẩy

basmak

ấn

vurmak

đánh

yakalamak

bắt

dövüşmek

chiến đấu

atmak

ném

koşmak

chạy

okumak

đọc

yazmak

viết

düzeltemek

sửa chữa

saymak

đếm

kesmek

cắt

satmak

bán

satın almak

mua

ödemek

trả

çalışmak
okul

học

rüya görmek

mơ

uyumak

ngủ

oynamak

chơi

kutlamak

ăn mừng

dinlenmek

ngủ ngơi

eğlenmek

thưởng thức

temizlemek

dọn dẹp

okul

trường học

ev
bina

nhà ở

kapı

cửa

koca

chồng

karı

vợ

düğün

đám cưới

kişi

người

araba

xe hơi

ev
aile

nhà

şehir

thành phố

sayı

số

yirmi bir

21

yirmi iki

22

yirmi altı

26

otuz

30

otuz bir

31

otuz üç

33

otuz yedi

37

kırk

40

kırk bir

41

kırk dört

44

kırk sekiz

48

elli

50

elli bir

51

elli beş

55

elli dokuz

59

altmış

60

altmış bir

61

altmış iki

62

altmış altı

66

yetmiş

70

yetmiş bir

71

yetmiş üç

73

yetmiş yedi

77

seksen

80

seksen bir

81

seksen dört

84

seksen sekiz

88

doksan

90

doksan bir

91

doksan beş

95

doksan dokuz

99

yüz

100

bin

1000

on bin

10.000

yüz bin

100.000

bir milyon

1.000.000

benim köpeğim

con chó của tôi

senin kedin

con mèo của bạn

onun elbisesi

váy của cô ấy

onun arabası

xe của anh ấy

onun topu

quả bóng của nó

bizim evimiz

nhà của chúng tôi

sizin takımınız

đội của bạn

onların şirketi

công ty của họ

herkes

mọi người

birlikte

cùng nhau

diğer

khác

önemli değil

không thành vấn đề

şeref

chúc mừng

rahatla

thư giãn đi

katılıyorum

tôi đồng ý

hoşgeldiniz

chào mừng

telaşa gerek yok

không phải lo

sağa dön

rẽ phải

sola dön

rẽ trái

düz git

đi thẳng

Benimle gel

Hãy đi với tôi

yumurta

trứng

peynir

süt

balık
gıda

phô mai

sữa

cá

et

sebze

meyve

thịt

rau

trái cây

kemik
gıda

sıvı yağ

ekmek

xương

dầu

bánh mì

şeker

çikolata

şekerleme

đường

sô cô la

kẹo

kek

bánh bông lan

içecek

đồ uống

su

nước

soda

nước soda

kahve

cà phê

çay

trà

bira

bia

şarap

rượu nho

salata

sa lát

çorba

súp

tatlı
gıda

món tráng miệng

kahvaltı

bữa ăn sáng

öğle yemeği

akşam yemeği

pizza

bữa trưa

bữa tối

pizza

otobüs

tren

tren istasyonu

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

otobüs durağı

uçak

gemi

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

kamyon

bisiklet

motosiklet

xe tải

xe đạp

xe mô tô

taksi

xe taxi

trafik ışığı

đèn giao thông

otopark

bãi đậu xe

yol

đường

giyim

quần áo

ayakkabı

giày dép

palto

áo choàng

kazak

áo len

gömlek

áo sơ mi

ceket

áo khoác

takım elbise

âu phục

pantolon

quần dài

elbise

đầm

tişört

áo phông

çorap

bít tất

sütyen

áo ngực

külot
adam

quần lót

gözlük

kính

el çantası

túi xách

çanta

ví tiền

cüzdan

ví

yüzük

nhẫn

şapka

mũ

saat
bilek

đồng hồ đeo tay

cep

Adın ne?

Benim adım David

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Ben 22 yaşıdayım

Nasılsın?

sen iyi misin?

Tôi 22 tuổi

Bạn có khỏe không?

Bạn có ổn không?

Tuvalet nerede?

Seni özledim

bahar

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

yaz

sonbahar

kış

mùa hè

mùa thu

mùa đông

Ocak

tháng một

Şubat

tháng hai

Mart

tháng ba

Nisan

tháng tư

Mayıs

tháng năm

Haziran

tháng sáu

Temmuz

tháng bảy

Ağustos

tháng tám

Eylül

tháng chín

Ekim

tháng mười

Kasım

tháng mười một

Aralık

tháng mười hai

alışveriş

mua sắm

fatura

hóa đơn

market

chợ

süper market

siêu thị

bina

tòa nhà

apartman

căn hộ

üniversite

trường đại học

çiftlik

nông trại

kilise

nhà thờ

restoran

nhà hàng

bar

quán bar

spor salonu

phòng thể dục

park

công viên

tuvalet
bina

nhà vệ sinh

harita

bản đồ

ambulans

xe cứu thương

polis
genel

cảnh sát

tabanca

súng

itfaiye

lính cứu hỏa

ülke

quốc gia

banliyö

ngoại ô

köy

ngôi làng

sağlık

sức khỏe

tıp

dược phẩm

kaza

tai nạn

hasta
kişi

bệnh nhân

ameliyat

phẫu thuật

hap

viên thuốc

ateş
sağlık

sốt

soğuk algınlığı

cảm lạnh

yara

vết thương

randevu

cuộc hẹn

öksürük

ho

boyun

cổ

kıç

mông

omuz

vai

diz

đầu gối

bacak

chân

kol
vücut

tay

göbek

bụng

bağır

ngực

sırt

lưng

diş

răng

dil

lưỡi

dudak

môi

parmak

ngón tay

ayak parmağı

ngón chân

mide

dạ dày

akciğer

phổi

karaciğer

gan

sinir

dây thần kinh

böbrek

thận

bağırsak

ruột

renk

màu sắc

turuncu

màu cam

gri

màu xám

kahverengi

màu nâu

pembe

màu hồng

sıkıcı

nhàm chán

ağır

nặng

hafif

nhẹ

yalnız

cô đơn

aç

đói bụng

susamış

khát nước

üzgün

buồn

dik

đốc

yassı

bằng phẳng

yuvarlak

tròn

kare
sifat

vuông

dar

hẹp

geniş

rộng

derin

sâu

siğ

nông

kocaman

lớn

kuzey

bắc

doğu

đông

güney

nam

batı

tây

kirli

bẩn

temiz

sạch sẽ

dolu

đầy

boş

trống rỗng

pahalı

đắt

ucuz

rẻ

karanlık

tối

aydınlık

sáng

seksi

quyến rũ

tembel

lười biếng

cesur

dũng cảm

cömert

hào phóng

yakışıklı

đẹp trai

çirkin

xấu xí

aptalca

ngớ ngẩn

arkadaşça

thân thiện

suçlu

tội lỗi

kör

mù

sarhoş

say

ıslak

ướt

kuru

khô

ılık

ấm áp

gürültülü

ồn ào

sakin

yên tĩnh

sessiz

im lặng

mutfak

nhà bếp

banyo

phòng tắm

oturma odası

phòng khách

yatak odası

phòng ngủ

bahçe

vườn

garaj

gara

duvar

tường

bodrum kat

tầng hầm

tuvalet

ev

nhà vệ sinh

merdiven

bina

cầu thang

çatı

mái nhà

pencere

bina

cửa sổ

bıçak

dao

fincan

sıcak

tách

bardak

ly

tabak

đĩa

fincan

soğuk

cốc

çöp kutusu

kase

TV seti

thùng rác

tô

bộ tivi

çalışma masası

yatak

ayna

bàn

giường

gương

duş

kanepe

resim

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

saat
oturma odası

masa

sandalye

đồng hồ

bàn

ghế

yüzme havuzu
bahçe

hồ bơi

zil

chuông

komşu

hàng xóm

başarısız olmak

thất bại

seçmek

chọn

ateş etmek

bắn

oy vermek

bình chọn

düşmek

rơi xuống

savunmak

bảo vệ

saldırmak

tấn công

çalmak

trộm

yakmak

đốt

kurtarmak

cứu

sigara içmek

hút thuốc

uçmak

bay

taşımak

mang theo

tükürmek

khạc nhổ

tekmelemek

đá

ısırmak

cắn

nefes almak

thở

koklamak

ngửi

ağlamak

khóc

şarkı söylemek

hát

gülümsemek

cười mỉm

gülmek

cười

büyümeđ

lớn lên

küçülmek

co lại

tartışmak

tranh luận

tehdit etmek

đe dọa

paylaşmak

chia sẻ

beslemek

cho ăn

saklamak

trốn

uyarmak

cảnh báo

yüzmeđ

bơi

zıplamak

nhảy

yuvarlanmak

lăn

kaldırmak

nâng

kazmak

đào

kopyalamak

sao chép

teslim etmek

giao hàng

aramak
genel

tìm kiếm

pratik yapmak

luyện tập

seyahat etmek

đi du lịch

boyamak

vẽ

duş almak

tắm vòi sen

açmak
kilit

mở

kilitlemek

khóa

yıkamak

rửa

dua etmek

cầu nguyện

pişirmek

nấu ăn

kitap

sách

kütüphane

thư viện

ödev

bài tập về nhà

sınav

bài thi

ders
okul

bài học

bilim

khoa học

tarih
konu

lịch sử

sanat

nghệ thuật

İngilizce

tiếng Anh

Fransızca

tiếng Pháp

dolma kalem

cây bút

kalem

bút chì

yüzde üç

3%

birinci

thứ nhất

ikinci

thứ hai

üçüncü

thứ ba

dördüncü

thứ tư

sonuç

kết quả

kare
geometri

hình vuông

daire

hình tròn

alan

diện tích

araştırma

ngiên cứu

derece

bằng cấp

lisans mezunu

cử nhân

yüksek lisans

thạc sĩ

x, y'den küçük

$x < y$

x, y'den büyük

$x > y$

stres

áp lực

sigorta

bảo hiểm

personel

nhân viên

bölüm

bộ phận

maaş

lương

adres

địa chỉ

mektup

lá thư

kaptan

thuyền trưởng

dedektif

thám tử

pilot

phi công

profesör

giáo sư

öğretmen

giáo viên

avukat

luật sư

sekreter

thư ký

asistan

trợ lý

hakim

thẩm phán

yönetici

giám đốc

müdür

quản lý

aşçı

đầu bếp

taksi sürücüsü

otobüs şoförü

sabıkalı

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

model

sanatçı

telefon numarası

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

sinyal

uygulama

sohbet

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

dosya

url

e-posta adresi

tập tin

url

địa chỉ email

web sitesi

trang mạng

e-posta

thư điện tử

cep telefonu

điện thoại di động

kanun

pháp luật

hapis

nhà tù

kanıt

chứng cứ

para cezası

tiền phạt

tanık

nhân chứng

mahkeme

tòa án

imza

chữ ký

zarar

thua lỗ

kâr

lợi nhuận

müşteri

khách hàng

tutar

số tiền

kredi kartı

thẻ tín dụng

parola

mật khẩu

bankamatik

máy rút tiền

yüzme havuzu
spor

bể bơi

güç

điện

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

hediye

quà tặng

şişe

cái chai

torba

cái túi

anahtar

chìa khóa

oyuncak bebek

búp bê

melek

thiên thần

tarak

lược

diş macunu

kem đánh răng

diş fırçası

bàn chải đánh răng

şampuan

dầu gội

krem

kem thoa

kağıt peçete

khăn giấy

ruj

son môi

televizyon

truyền hình

sinema

rạp chiếu phim

haber

tin tức

koltuk

ghế

bilet

vé

ekran

sinema

màn chiếu

müzik

âm nhạc

sahne

sân khấu

seyirci

khán giả

ressamlık

hội họa

şaka

trò đùa

makale

bài báo

gazete

báo chí

dergi

tạp chí

reklâm

quảng cáo

doğa

thiên nhiên

kül

tro

ateş
doğa

lửa

elmas

kim cương

ay
evren

mặt trăng

Dünya

Trái Đất

güneş

mặt trời

yıldız

ngôi sao

gezegen

hành tinh

evren

vũ trụ

sahil

bờ biển

göl

hồ

orman

rừng

çöl

sa mạc

tepe

đồi núi

kaya

đá

nehir

con sông

vadi

thung lũng

dağ

núi

ada

đảo

okyanus

đại dương

deniz

biển

hava

thời tiết

buz

băng

kar

tuyết

fırtına

bão táp

yağmur

mưa

rüzgar

gió

bitki

thực vật

ağaç

cây

çimen

cỏ

gül

hoa hồng

çiçek
bitki

hoa

gaz

chất khí

metal

kim loại

altın

gümüş

Gümüş, altından daha
ucuzdur

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Altın, gümüşten daha
pahalıdır

tatil

üye

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên

otel

plaj

konuk

khách sạn

bờ biển

khách

doğum günü

Noel

Yeni yıl

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Paskalya

Lễ Phục sinh

dayı

chú

teyze

cô

büyük anne
baba

bà nội

büyük baba
baba

ông nội

büyük anne
anne

bà ngoại

büyük baba
anne

ông ngoại

ölüm

tử vong

mezar

phần mộ

boşanma

ly hôn

gelin
düğün

cô dâu

damat
düğün

chú rể

yüz bir

101

yüz beş

105

yüz on

110

yüz elli bir

151

iki yüz

200

iki yüz iki

202

iki yüz altı

206

iki yüz yirmi

220

iki yüz altmış iki

262

üç yüz

300

üç yüz üç

303

üç yüz yedi

307

üç yüz otuz

330

üç yüz yetmiş üç

373

dört yüz

400

dört yüz dört

404

dört yüz sekiz

408

dört yüz kırk

440

dört yüz seksen dört

484

beş yüz

500

beş yüz beş

505

beş yüz dokuz

509

beş yüz elli

550

beş yüz doksan beş

595

altı yüz

600

altı yüz bir

601

altı yüz altı

606

altı yüz on altı

616

altı yüz altmış

660

yedi yüz

700

yedi yüz iki

702

yedi yüz yedi

707

yedi yüz yirmi yedi

727

yedi yüz yetmiş

770

sekiz yüz

800

sekiz yüz üç

803

sekiz yüz sekiz

808

sekiz yüz otuz sekiz

838

sekiz yüz seksen

880

dokuz yüz

900

dokuz yüz dört

904

dokuz yüz dokuz

909

dokuz yüz kırk dokuz

949

dokuz yüz doksan

990

kaplan

con hổ

fare
hayvan

con chuột

sıçan

con chuột cống

tavşan

con thỏ

aslan

con sư tử

eşek

con lừa

fil

con voi

kuş

con chim

yavru horoz

con gà trống choai

güvercin

con chim bồ câu

kaz

con ngỗng

böcek
genel

côn trùng

böcek
hayvan

con bọ

sivrisinek

con muỗi

sinek

con ruồi

karınca

con kiến

balina

con cá voi

köpek balığı

con cá mập

yunus balığı

con cá heo

salyangoz

con ốc sên

kurbağa

con ếch

sık sık

thường xuyên

hemen

ngay lập tức

aniden

đột ngột

olmasına rağmen

mặc dù

jimnastik

thể dục dụng cụ

tenis

quần vợt

koşu

chạy

bisikletçilik

golf

buz pateni

đạp xe

đánh golf

trượt băng

futbol

basketbol

yüzme

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

dalgıçlık

doğa yürüyüşü

Birleşik Krallık

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

İspanya

İsviçre

İtalya

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Fransa

Almanya

Tayland

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapur

Rusya

Japonya

Singapore

Nga

Nhật Bản

İsrail

Hindistan

Çin

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Amerika Birleşik Devletleri

Meksika

Kanada

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Şili

Chile

Brezilya

Brazil

Arjantin

Argentina

Güney Afrika

Nam Phi

Nijerya

Nigeria

Fas

Ma Rocc

Libya

Libya

Kenya

Kenya

Cezayir

Algeria

Mısır

Ai Cáp

Yeni Zelanda

New Zealand

Avustralya

Úc

Afrika

Avrupa

Asya

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Amerika

çeyrek saat

yarım saat

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bir saatin üç çeyreği

saat bir

ikiyi beş geçiyor

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

üçü on geçiyor

dördü çeyrek geçiyor

beşi yirmi geçiyor

3:10

4:15

5:20

altıyı yirmi beş geçiyor

6:25

yedi buçuk

7:30

sekiz otuz beş

8:35

ona yirmi var

9:40

on bire çeyrek var

10:45

on ikiye on var

11:50

bire beş var

12:55

sabah saat bir

một giờ sáng

öğleden sonra iki

hai giờ chiều

geçen hafta

tuần trước

bu hafta

tuần này

önümüzdeki hafta

tuần sau

geçen yıl

bu yıl

önümüzdeki yıl

năm ngoái

năm nay

năm sau

geçen ay

bu ay

önümüzdeki ay

tháng trước

tháng này

tháng sau

bir Ocak iki bin on dört

yirmi beş Şubat iki bin üç

on iki Nisan bin dokuz yüz
seksen sekiz

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

on üç Ekim bin sekiz yüz
doksan dokuz

otuz Eylül bin dokuz yüz yedi

on iki Aralık iki bin

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

alın

kırıksıklık

çene

trán

nếp nhăn

cằm

yanak

sakal

kirpikler

má

râu

lông mi

kaş

bel

ense

lông mày

eo

gáy

göğüs

başparmak

küçük parmak

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

yüzük parmağı

ngón tay đeo nhẫn

orta parmak

ngón tay giữa

işaret parmağı

ngón tay trỏ

bilek

cổ tay

tırnak

móng tay

topuk

gót chân

omurga

xương sống

kas

cơ bắp

kemik
vücut

xương

iskelet

bộ xương

kaburga

xương sườn

omur

đốt sống

mesane

bàng quang

damar

tĩnh mạch

atardamar

động mạch

vajina

âm đạo

sperm

tinh trùng

penis

dương vật

testis

tinh hoàn

sulu

mọng nước

acı

cay

tuzlu

mặn

çiğ

sống

haşlanmış

lộc

utangaç

nhút nhát

açgözlü

tham lam

katı
sifat

ng nghiêm khắc

sაğır

điếc